

■ 건설기계관리법 시행규칙 [별지 제8호서식] <개정 2024. 11. 5.>

■ Thông tư hướng dẫn Luật Quản lý thiết bị xây dựng [Mẫu đính kèm số 8] <Sửa đổi 2024. 11. 5.>

건설기계등록사항변경신고서
ĐƠN KHAI BÁO
THAY ĐỔI NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THIẾT BỊ XÂY DỰNG

접수번호 Số tiếp nhận	접수일자 Ngày tiếp nhận	처리기간 Thời gian xử lý	즉시 Ngày lập tức	
신고인 Người khai báo	성명 (법인인 경우에는 상호 및 대표자) Họ tên (tên thương mại và người đại diện trong trường hợp là pháp nhân)	주민등록번호 (사업자등록번호 · 외국인등록번호 · 법인등록번호) Số chứng minh thư Hàn (Số đăng ký kinh doanh, số đăng ký người nước ngoài, số đăng ký pháp nhân)		
	주소 Địa chỉ	(전화번호 :) (Số điện thoại :)		
	건설기계명 Tên thiết bị xây dựng	건설기계 등록번호 Số đăng ký thiết bị xây dựng		
변경 내용 Nội dung thay đổi	구분 Phân loại	변경 전 Trước thay đổi	변경 후 Sau thay đổi	변경일자 Ngày thay đổi

「건설기계관리법」 제5조 및 같은 법 시행령 제5조 · 제5조의2 및 같은 법 시행규칙 제7조제1항에 따라 위와 같이 신고합니다.

Tôi khai báo như trên theo Điều 5 “Luật Quản lý thiết bị xây dựng”, Điều 5, Điều 5-2 của Nghị định hướng dẫn Luật này và khoản 1 Điều 7 của Thông tư hướng dẫn Luật này.

년 월 일
Năm tháng ngày

신고인 :
Người khai báo:

(서명 또는 인)
(Kí tên hoặc đóng dấu)

특별시장 · 광역시장 · 특별자치시장 · 도지사 · 특별자치도지사 귀하

Kính gửi Thị trưởng thành phố đặc biệt (teukbyeolsi), Thị trưởng thành phố trực thuộc trung ương (gwangyeoksi), Thị trưởng thành phố tự trị đặc biệt (teukbyeol jachisi), Thống đốc tỉnh, Thống đốc tỉnh tự trị đặc biệt (teukbyeol jachido)

제출서류 Hồ sơ cần nộp	<p>1. 소유자, 점유자 또는 건설기계매매업자가 등록사항을 변경신고하는 경우</p> <p>1. Trường hợp chủ sở hữu, người giữ hoặc đại lý máy móc xây dựng khai báo thay đổi thông tin đăng ký</p> <p>가. 변경내용을 증명하는 서류</p> <p>a. Giấy tờ chứng minh nội dung thay đổi</p> <p>나. 건설기계등록증</p> <p>b. Chứng nhận đăng ký thiết bị xây dựng</p> <p>다. 건설기계검사증</p> <p>c. Chứng nhận kiểm định thiết bị xây dựng</p> <p>2. 매도인이 등록사항을 변경신고하는 경우: 매도사실을 증명하는 서류</p> <p>2. Trường hợp người bán khai báo thay đổi thông tin đăng ký: Giấy tờ chứng minh việc mua bán</p> <p>비고: 등록사항의 변경이 건설기계의 매매로 인한 경우 제1호가목의 변경내용을 증명하는 서류 또는 제2호의 매도사실을 증명하는 서류는 다음 각 목과 같습니다.</p> <p>Ghi chú: Trường hợp thay đổi nội dung đăng ký do mua bán thiết bị xây dựng, giấy tờ chứng minh nội dung thay đổi tại mục a điểm 1 hoặc giấy tờ chứng minh việc mua bán tại điểm 2 như sau.</p> <p>가. 양도자와 양수자간에 건설기계를 직접 거래한 경우: 별지 제8호의2서식의 건설기계양도증명서</p> <p>a. Trường hợp mua bán trực tiếp thiết bị xây dựng giữa bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng: Giấy chứng nhận chuyển giao thiết bị xây dựng theo mẫu đính kèm số 8-2</p> <p>나. 건설기계매매업자가 건설기계를 매매하거나 매매를 알선한 경우: 별지 제8호의3서식의 건설기계양도증명서</p> <p>b. Trường hợp đại lý thiết bị xây dựng mua bán hoặc làm trung gian mua bán thiết bị xây dựng: Giấy chứng nhận chuyển nhượng thiết bị xây dựng theo mẫu đính kèm số 8-3</p>	수수료 1,000원 Lệ phí 1.000 Won
-----------------------	---	--------------------------------------

처리 절차
Quy trình xử lý



210mm×297mm[백상지(80g/㎡) 또는 중질지(80g/㎡)]